

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Phú;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 18, ấp VB, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 18, ấp VB, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà P trình bày: Hôn nhân của bà và ông L xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An

Phú, tỉnh An Giang vào ngày 23/01/2010. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hợp và cả hai không còn sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Thời gian không còn chung sống ông L cũng có điện thoại thăm con nhưng thường mắng chửi bà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay xin ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hiền H1, sinh ngày 16/02/2010 và Trần Văn H2 sinh ngày 04/8/2011, cháu H2 hiện đang sống chung với bà P còn cháu H1 sống với ông L và gia đình ông L. Nay ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2, giao cháu H1 cho ông L nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng thì không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Văn L không có văn bản hoặc ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà Hạnh. Không tham gia các buổi hoà giải, phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ.

Cháu Trần Hiền H1 có nguyện vọng muốn sống cùng cha khi cha, mẹ ly hôn.

Cháu Trần Văn H2 do bị bệnh bẩm sinh, không thể tự trả lời khi cán bộ Toà án ghi nhận ý kiến của cháu, do vậy không thể ghi nhận nguyện vọng của cháu muốn sống với cha hay mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa:

Bà P có đơn xin vắng mặt, bảo lưu ý kiến của mình như đã trình bày, không đồng ý đoàn tụ.

Ông L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, quá trình hòa giải, xác minh, thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa bà P và ông L có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài, thời gian không chung sống đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Giao cháu H2 cho bà P nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L, bà P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Bà P phải chịu án phí về hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con chung với ông L, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông L vắng mặt không có lý do mặc dù đã triệu tập hợp lệ, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông L xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp được công nhận theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông L thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường phát sinh cãi vã và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay, thời gian không chung sống giữa hai bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình. Ông L đã được tổng đạt các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hoà giải nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà P, không tham gia hoà giải để tìm biện pháp hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Lời trình bày của bà P về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống còn được xác nhận bởi lời khai của bà Võ Thị Diệp, theo đó thời gian chung sống giữa bà P và ông L thường xảy ra cự cãi, bất đồng lối sống và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay.

Tại phiên H1 giải bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L, không đồng ý đoàn tụ vì vậy có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng: Cháu Trần Hiền H1 cho biết hiện cháu đang sống với cha là ông L và ông, bà nội, cuộc sống hiện tại rất tốt, được ăn học đầy đủ và có nguyện vọng muốn sống với cha khi cha, mẹ ly hôn. Đối với

cháu Trần Văn H2, do không thể ghi nhận ý kiến của cháu nhưng hiện cháu đang sống cùng mẹ và bà ngoại tại ấp VB, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tránh việc thay đổi môi trường sống có thể ảnh hưởng cho sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của con, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu H2 cho bà P được tiếp tục nuôi dạy, giao cháu H1 cho ông L tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với ông L, không ghi nhận được ý kiến của ông về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà P nên khi ông L có yêu cầu cấp dưỡng sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng...được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà và ông L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Trần Văn L.

- Về con chung: Bà P được tiếp tục nuôi dạy cháu Trần Văn H2, sinh ngày 04/8/2011; ông L được tiếp tục nuôi dạy cháu Trần Hiền H1, sinh ngày 16/02/2010.

Ông L, bà P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P, ông L và người thân thích trong gia đình không được cản trở lẫn nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0009855 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/HT, thuộc Quyền số 01/2010 do của Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 23/02/2010 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã VH, AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo